

Bản án số: 425/2026/HS-PT
Ngày 15-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lâm;

Ông Trương Văn Lộc.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hương Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở B) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 384/2026/TLPT-HS ngày 14 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Hữu T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 93/2026/HS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

Nguyễn Hữu T, sinh năm 2001 tại tỉnh An Giang; Căn cước công dân số: 089201014648; nơi cư trú: ấp V, xã C, tỉnh An Giang; nơi tạm trú: Khu dân cư P, khu phố Ô, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1974 và bà Hồ Thị L, sinh năm 1978; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị hại không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu T là người cung cấp dịch vụ với tư cách là “Nhà thầu độc lập” và thu tiền hộ của Công ty TNHH S. Sau khi ký hợp đồng, T được bố trí làm nhân viên giao hàng ở khu vực địa điểm kinh doanh tại Bình Dương (T) (gọi tắt là Buu

cục H) địa chỉ: số E, đường K, khu phố K, phường T, thành phố Hồ Chí Minh do ông Trần Hữu Đ làm quản lý. Nhiệm vụ hàng ngày của T là đi giao hàng và thu tiền hộ của Công ty TNHH S, sau đó nộp tiền về cho Công ty trước 24 giờ 00 hàng ngày.

Sáng ngày 29/5/2025, T nhận từ Bưu cục Hub Tân U 60 đơn hàng để giao cho khách hàng ở khu vực T. Đến khoảng 17 giờ 00 cùng ngày, sau khi thực hiện xong việc giao hàng và thu hộ tiền hàng từ khách với số tiền là 9.586.988 đồng, do T chưa kịp tập hợp đủ tiền (do có khách hàng chưa trả tiền) nên T chuyển trước vào số tài khoản 8842818555 của Công ty số tiền 4.793.494 đồng rồi thông báo với Công ty còn nợ lại số tiền 4.793.494 đồng để hôm sau sẽ nộp đủ về cho Công ty.

Đến ngày 30/5/2025, T tiếp tục nhận 70 đơn hàng từ Bưu cục H để đi giao cho khách hàng ở khu vực T. Đến tối cùng ngày, sau khi thực hiện xong việc giao hàng và thu hộ tiền hàng từ khách với số tiền là 7.083.59 đồng. Lúc này, do cần tiền tiêu xài cá nhân, T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 7.083.595 đồng và 4.793.494 đồng của Công ty. Thực hiện ý định T tự ý nghỉ việc, tắt nguồn điện thoại không cho Công ty L1 và lấy tổng số tiền 11.877.089 đồng rồi tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 03/11/2025, sau nhiều lần Công ty TNHH S liên lạc với T để yêu cầu hoàn trả tiền nhưng không được nên Công ty đã nộp đơn trình báo sự việc tại Công an phường T.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Nguyễn Hữu T đã bồi thường cho Công ty TNHH S số tiền 9.993.539 đồng. Số tiền 1.883.550 đồng còn lại đã được Công ty TNHH S căn trừ vào tiền cọc (là tiền thế chân Nguyễn Hữu T đã đặt cọc cho Công ty khi vào làm việc). Công ty TNHH S không có yêu cầu gì thêm và đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

Tại Cáo trạng số 117/CT-VKS-KV17 ngày 05/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố Nguyễn Hữu T về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2026/HS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Tham ô tài sản”

Căn cứ các điểm khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Hữu T 02 (hai) năm tù về tội “Tham ô tài sản”; Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, bị cáo Nguyễn Hữu T kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án để điều tra xét xử lại. Tại phiên tòa phúc

thâm, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, xin chuyển sang tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về thời hạn kháng cáo đúng theo thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo, xét thấy: bị cáo Nguyễn Hữu T là nhân viên giao hàng và thu tiền hộ tiền của Công ty TNHH S. Lợi dụng nhiệm vụ được giao là đi giao hàng và thu hộ tiền hàng cho Công ty TNHH S, T đã chiếm đoạt số tiền 11.877.089 đồng là tiền hàng thu hộ của Công ty. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu T là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại về tài sản của các tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân mà cố ý phạm tội, bất chấp quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hiện nay, hành vi tham ô tài sản của tổ chức ngoài nhà nước diễn ra ngày càng nhiều, gây hoang mang cho doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thành phố, gây mất trật tự xã hội. Do đó cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi xem xét quyết định mức hình phạt, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã cân nhắc nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để tuyên xử phạt bị cáo 02 năm tù là phù hợp. Bị cáo kháng cáo nhưng không bổ sung, cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới nên không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2026/HS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

** Bị cáo không tranh luận.*

Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm, có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Nguyễn Hữu T là nhân viên

giao hàng và thu tiền hộ tiền của Công ty TNHH S tại khu vực T. Ngày 30/5/2025, lợi dụng nhiệm vụ được giao là đi giao hàng và thu hộ tiền hàng cho Công ty TNHH S, bị cáo T đã chiếm đoạt số tiền 11.877.089 đồng là tiền hàng thu hộ của Công ty rồi tự ý nghỉ việc, cắt đứt liên lạc với Công ty TNHH S. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu T thực hiện đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Hữu T về tội danh, điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin chuyển tội danh sang tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và xin được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Tham ô tài sản” là có căn cứ, bởi: bị cáo là người được Công ty TNHH S giao nhiệm vụ giao hàng cho khách hàng và nhận tiền hàng về giao lại cho Công ty nhưng bị cáo lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao để chiếm đoạt số tiền 11.877.089 đồng của Công ty nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản”. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ phạm tội và xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và xử phạt bị cáo 02 năm tù là mức thấp nhất của khung hình phạt. Bị cáo kháng cáo và đưa ra tình tiết Công ty xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp, không nặng, việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ không đảm bảo tính răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa, giáo dục chung trong xã hội. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thể sửa chữa bản thân và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm chung. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là cùng quan điểm với Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Các phần quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 93/2026/HS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 353, điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 02 (hai) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Phòng Hồ sơ - Công an TP.HCM;
- Tòa án nhân dân khu vực 17 - TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - TP.HCM;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 - TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP, 20. (54)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Đức